TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST Ngày: 25/4/2025 V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Kim Xuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phượng;

2. Ông Nguyễn Vạn Thế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Từ Thị Minh Tuyên - Kiểm sát viên.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 04/4/2025, 18/4/2025, tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/01/2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/3/2025 và quyết định hoãn số 54/2025/QĐST-DS ngày 04/4/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thúy A, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số C, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Phan Văn H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số C, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Có đơn xin vắng mặt: Chị Lê Thị Thúy A.

Vắng mặt không lý do: Anh Phan Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thúy A trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thúy A và anh Phan Văn H đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận số 546 ngày 23/12/2002. Chị A và anh H sống chung hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh

mâu thuẫn, sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến cuộc sống cá nhân của nhau. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị A yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Bà A và anh H có 02 con chung tên Phan Thị Thúy Q, sinh ngày 25/02/2001 và Phan Vũ Trâm A1, sinh ngày 02/11/2013. Đối với Phan Thị Thúy Q đã đủ tuổi trưởng thành. Đối Trâm A2 đang sống với bà A và anh H. Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Phan Vũ Trâm A1, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Phan Văn H: Anh Phan Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên họp nhưng anh H vắng mặt tại phiên họp không có lý do và cũng không cung cấp văn bản ý kiến cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn yêu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án dân sự cũng như tại phiên tòa Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thúy A, cho chị A được ly hôn với anh H, về con chung tên Phan Thị Thúy Q, sinh ngày 25/02/2001 đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết, đối với con chung tên Phan Vũ Trâm A1, sinh ngày 02/11/2013 giao chị A trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Thị Thúy A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn H cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự xác định tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật là: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Phan Văn H đăng ký thường trú tại địa chỉ: Số C, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Chị A, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị A có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 14/3/2025 và anh H vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng

mặt đối với chị A và anh H theo quy định tại các Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị A và anh H đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận số 546 ngày 23/12/2002 đúng theo quy định, là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, chị A cho rằng trong cuộc sống hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về mâu thuẫn: Giữa chị A và anh H là có phát sinh mâu thuẫn trong hôn nhân. Chị A cho rằng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mặc dù sống chung nhà nhưng sinh hoạt riêng, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Do mâu thuẫn kéo dài nên tình cảm vợ chồng không còn. Hôn nhân của chị A và anh H đã không đảm bảo được tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (viết tắt Luật HNGĐ) quy định: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*"

- Về khả năng hàn gắn: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã hòa giải, động viên để chị A hàn gắn lại tình cảm, đoàn tụ nhưng chị A cương quyết yêu cầu ly hôn. Đối với anh H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng để biết nội dung vụ án nhưng anh H không có mặt theo thông báo và không có văn bản ý kiến thể hiện ý chí hàn gắn lại tình cảm với chị A. Cho nên, hôn nhân giữa chị A và anh H không giải quyết được mâu thuẫn, không có khả năng hàn gắn tình cảm.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị A và anh H đã phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài và thực sự trầm trọng, không còn giữ được tình nghĩa vợ chồng, không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thúy A đối với anh Phan Văn H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật HNGĐ.

[2.2] Về con chung: 02 con chung tên Phan Thị Thúy Q, sinh ngày 25/02/2001 và Phan Vũ Trâm A1, sinh ngày 02/11/2013.

- Đối với con chung tên Phan Thị Thúy Q đã đủ tuổi trưởng thành, chị A xác định con chung không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Anh H không có ý kiến về nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là đảm bảo quyền tự quyết và định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với con chung tên Phan Vũ Trâm A1, sinh ngày 02/11/2013, đang sống với chị A và anh H. Chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Xét thấy, yêu cầu của chị A là phù hợp, bởi lẽ: cháu Phan

Vũ Trâm A1 là nữ, khi sống chung với mẹ sẽ thuận tiện trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng để Trâm A1 được đảm bảo quyền lợi mọi mặt. Ngoài ra, cháu Trâm A1 có Tờ tường trình ngày 18/12/2024 yêu cầu được sống chung với mẹ. Về phía anh H không có văn bản ý kiến tranh chấp nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, giao con chung tên Phan Vũ Trâm A1 cho chị A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ, anh H không cấp dưỡng nuôi con do chị A không yêu cầu.

- Sau khi ly hôn, chị A cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị A theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là đảm bảo quyền tự quyết và định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị A được ly hôn với anh H, giao con chung tên Trâm A1 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con chung, không xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị A phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị A và anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thúy A.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thúy A được ly hôn với anh Phan Văn H.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 546 ngày 23/12/2002 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

- Con chung tên Phan Thị Thúy Q, sinh ngày 25/02/2001 là người thành niên và có đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết.

- Giao con chung tên Phan Vũ Trâm A1, sinh ngày 02/11/2013 cho chị Lê Thị Thúy A trực tiếp nuôi dưỡng.

- Anh Phan Văn H không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Thúy A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005426 ngày 13/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Thúy A và anh Phan Văn H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã Đ, h. L, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (kx).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Thị Kim Xuyến